

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Dương Đông Phong;

2. ông Trần Ngọc Châu.

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Trọng Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Hà L, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Trọng Đ trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà, tỉnh T ngày 16/4/2001. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế, tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Anh Đ và chị H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh Đ khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Hoàng Phương T, sinh ngày 09/5/2002 và cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/11/2007, hiện nay cả hai cháu T và Đ đang ở với anh Đ, cháu T đã thành niên nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh Hoàng Trọng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập chị Hoàng Thị H đến Toà án để viết bản khai nhưng chị H không có mặt mà không có lý do nên không có bản khai của chị H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là phù hợp với quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83, khoản 1, Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị H không có mặt mà không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Chị H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Hoàng Trọng Đ và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh Đ, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và kinh tế nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Kết quả xác minh ngày 04/01/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H cũng cho thấy, quá trình chung sống anh Đ và chị H xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2014 vợ chồng sống ly thân. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung giữa anh Đ và chị H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh Hoàng Trọng Đ khai, vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Hoàng Phương T, sinh ngày 09/5/2002 và cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/11/2007. Anh Đ cũng xuất trình cho Tòa án bản sao chứng thực giấy khai sinh của cháu T và cháu Đ, trong đó xác định cháu T và cháu Đ là con chung của anh Đ và chị H. Mặt khác, cháu T và cháu Đ được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu T và cháu Đ là con chung của anh Đ và chị H. Cháu T đã thành niên, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Đ do anh Đ nuôi dưỡng, cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với bố. Để tránh xáo trộn về tâm lý cũng như việc học tập của cháu, giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[4]. Về tài sản: Anh Hoàng Trọng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Hoàng Trọng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56; Điều 81; 82; 83, khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Trọng Đ và chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Hoàng Phương T, sinh ngày 09/5/2002 và cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/11/2007 là con chung của anh Đ và chị H. Giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đ.

3. Về án phí: Anh Hoàng Trọng Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009265 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Châu

Dương Đông Phong Trịnh Thanh Hương

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

